

Số 114- KH/TU

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 39-NQ/TW*); Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW trên địa bàn tỉnh, với những nội dung cụ thể như sau:

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, thực hiện nghiêm các chủ trương của Đảng, pháp luật nhà nước về phát triển kinh tế, có sự vận dụng sáng tạo, tạo động lực để phát triển kinh tế.

2. Quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của địa phương để đáp ứng yêu cầu hội nhập, nâng cao năng lực cạnh tranh, đảm bảo sự phát triển bền vững của nền kinh tế.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế Lâm Đồng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh; đưa Lâm Đồng trở thành tỉnh phát triển khá so với các tỉnh, thành trong cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đối với nguồn nhân lực:

a) Đến năm 2025, hàng năm giải quyết việc làm mới cho 10-12 nghìn lao động; tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản dưới 57%; khắc phục cơ bản tình trạng mất cân đối cung - cầu nhân lực trong nền kinh tế của địa phương.

b) Đến năm 2035, hàng năm giải quyết việc làm mới cho 15-25 nghìn lao động; tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm, thủy sản dưới 50%. Phát triển, nâng cao năng lực đội ngũ nhân lực làm công tác khoa học, công nghệ của tỉnh.

Hệ thống nhân lực phát triển đầy đủ, toàn diện đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của tỉnh với các mục tiêu: Tỉnh Lâm Đồng là một điểm đến của những lao động có tay nghề cao từ trong và ngoài nước; giải quyết những hạn chế và từng bước đào tạo nhân lực trình độ cao đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp, giảm tỷ lệ thất nghiệp; nâng cao năng suất lao động, tăng tính cạnh tranh và có hiệu quả, mang lại những kết quả khả quan cho cả người sử dụng lao động cũng như mức lương tốt hơn cho người lao động; là địa phương có nguồn nhân lực chất lượng cao đảm bảo tính chuyên nghiệp, đáp ứng hội nhập quốc tế và thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

c) Đến năm 2045: hàng năm giải quyết việc làm mới cho 15-25 nghìn lao động; giảm tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản dưới 45% tổng số lao động của toàn tỉnh, nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của nhân lực địa phương đạt trên mức trung bình của cả nước và khu vực ASEAN-4.

2.2. Đối với nguồn vật lực

a) Đến năm 2025:

- Thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, công cụ thúc đẩy quản lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản phù hợp với thực tế quy mô và hiệu quả đầu tư. Khai thác một cách hợp lý, hiệu quả môi trường cảnh quan, điều kiện tự nhiên... để phục vụ phát triển du lịch, nhất là du lịch chất lượng cao. Xây dựng mới và duy trì vận hành mạng lưới trạm quan trắc tài nguyên môi trường hiện có.

- Tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn, thực hiện nghiêm Luật Đầu tư công, Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành và chỉ đạo của Chính phủ về đầu tư công, phân bổ nguồn vốn hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải; huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tư, nâng cao chất lượng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tập trung nguồn vốn ngân sách đầu tư vào các khâu đột phá, các nhiệm vụ trọng tâm, công trình có sức lan toả lớn, tạo thuận lợi thu hút tư nhân và đầu tư trực tiếp nước ngoài. Kết nối thuận lợi giao thông đến địa bàn trong tỉnh và khu vực Đông Nam bộ, duyên hải Nam Trung bộ và các tỉnh Tây nguyên. Phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng đô thị và mở rộng không gian đô thị theo quy hoạch được duyệt.

b) Đến năm 2035:

- Phát triển các công cụ điều tiết thị trường quyền sử dụng đất. Kiểm soát tình hình ô nhiễm nguồn nước. Hoàn thiện hệ thống mạng quan trắc tài nguyên, môi trường theo hướng tự động hoá. Hoàn thành việc xây dựng đồng bộ cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên, môi trường và hệ thống thông tin giám sát tài nguyên quốc gia.

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội tương đối đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận lợi đến các địa bàn trong toàn tỉnh và khu vực Đông Nam bộ, duyên hải Nam Trung bộ và các tỉnh Tây nguyên.

c) Đến năm 2045:

- Chủ động ngăn ngừa, hạn chế tình trạng suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.

- Hoàn thiện cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối thông suốt với khu vực Đông Nam bộ, duyên hải Nam Trung bộ và các tỉnh Tây nguyên.

- Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ sản xuất và hạ tầng nông thôn được hoàn thiện; phù hợp với nền nông nghiệp hiện đại, hội nhập.

2.3. Đối với nguồn tài lực

a) Đến năm 2025:

- Bảo đảm cân đối ngân sách tích cực, giảm dần tỷ lệ ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách địa phương, phấn đấu đến năm 2030 thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đảm bảo đủ nhu cầu chi ngân sách hàng năm.

- Hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước trên phạm vi toàn tỉnh; hoàn thành việc di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở thuộc diện phải di dời theo quy hoạch đã phê duyệt.

b) Đến năm 2035:

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đảm bảo đủ nhu cầu chi ngân sách và có tích lũy để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đóng góp cho ngân sách Trung ương.

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh về đất đai đạt 10% và thu từ khai thác tài sản công đạt 5% tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh hàng năm.

c) Đến năm 2045: Giữ ổn định thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh về đất đai đạt 10%, thu từ khai thác tài sản công đạt 5-7% tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

a) Vận dụng đầy đủ các cơ chế, chính sách được nhà nước ban hành để khơi thông, giải phóng tối đa và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực hiện có, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, khai thác và sử dụng các nguồn lực của tỉnh.

b) Đổi mới mô hình tăng trưởng chuyển từ chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên, vốn đầu tư và lao động sang sử dụng tổng hợp, có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, có trình độ năng lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và phát triển bền vững của nền kinh tế.

c) Cơ cấu lại nền kinh tế, ngành, vùng và sản phẩm chủ yếu nhằm phát huy

lợi thế so sánh và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tập trung các nguồn lực phát triển những sản phẩm có lợi thế so sánh, sức cạnh tranh, giá trị gia tăng cao và có thị trường tiêu thụ. Đổi mới cơ cấu thành phần kinh tế theo hướng bảo đảm cạnh tranh công bằng, bình đẳng.

d) Nâng cao năng lực tự chủ, đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở tăng cường năng lực phân tích, đánh giá, dự báo trên các lĩnh vực. Thực hiện công khai, minh bạch, bình đẳng và dân chủ hoá đời sống kinh tế - xã hội. Kiểm soát tốt quyền lực, đề cao trách nhiệm giải trình và đạo đức công vụ. Xây dựng và thực thi các chế tài đủ mạnh nhằm ngăn chặn hành vi cửa quyền, độc quyền; cơ chế xin - cho; lợi ích nhóm; góp phần củng cố lòng tin của các nhà đầu tư, doanh nghiệp và toàn xã hội.

e) Chủ động nắm bắt cơ hội, tận dụng tối đa thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trước mắt, cần nghiên cứu kỹ nội hàm, phương thức vận hành và tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4; định hướng nhiệm vụ, giải pháp thực hiện cụ thể vào một số ngành, lĩnh vực để chủ động hội nhập.

g) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chia sẻ thông tin về các nguồn lực trong nền kinh tế để sử dụng tối ưu và hiệu quả; phân phối, chia sẻ và tái sử dụng có hiệu quả các nguồn lực dư thừa, làm gia tăng giá trị các nguồn lực của nền kinh tế.

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

2.1. Đối với nguồn nhân lực:

a) Nâng cao nhận thức, hoàn thiện các cơ chế, chính sách của địa phương về phát triển, quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực:

- Nghiên cứu quán triệt, phổ biết và tuyên truyền sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức của người dân về chủ trương “*giáo dục - đào tạo*” và “*khoa học - công nghệ*” là quốc sách; phát triển giáo dục - đào tạo gắn với phát triển khoa học - công nghệ. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 74-CTr/TU, ngày 11/02/2014 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Thường xuyên hướng dẫn, phổ biến đầy đủ, kịp thời các chính sách, pháp luật về việc làm, an toàn vệ sinh lao động và một số chính sách hiện hành có liên quan đến người lao động và người sử dụng lao động nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức và trách nhiệm trong quá trình thực hiện. Nghiên cứu, ban hành chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao; chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo nâng cao trình độ sau đại học.

b) Đổi mới công tác quản lý, sử dụng, đánh giá và đào tạo nguồn nhân lực:

- Thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, đào tạo nghề theo nhu cầu thị trường lao động về số lượng, chất lượng, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo; thực hiện có hiệu quả các chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững và đảm bảo an sinh xã hội. Khắc phục bệnh thành tích và những tiêu cực trong giáo dục, đào tạo.

- Thực hiện nghiêm công tác tuyển dụng công chức, viên chức theo đúng các quy định; bổ sung lực lượng công chức, viên chức đạt chuẩn về chuyên môn, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức của tỉnh. Xây dựng tiêu chuẩn, quy trình đánh giá nhân lực dựa trên năng lực đóng góp, kết quả, năng suất lao động thực tế, thực hiện chế độ đãi ngộ tương xứng với trình độ, năng lực và kết quả công việc.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm, có hiệu quả chính sách tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đổi mới công tác đào tạo, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức đối với các cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị, tổ chức sự nghiệp công lập trong quản lý, sử dụng nhân lực.

- Sắp xếp lại hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp đáp ứng tinh gọn, hiệu quả và đạt chuẩn chất lượng ngành, nghề trọng điểm được đầu tư theo các cấp độ. Rà soát, quy hoạch các trường, cơ sở đào tạo và giáo dục nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh. Phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề theo hướng xã hội hoá, gắn đào tạo nghề với phát triển các ngành, lĩnh vực của địa phương, đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp.

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên dạy nghề nhằm nâng cao trình độ năng lực, phương pháp dạy học hiện đại và chuyên nghiệp. Phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng và sử dụng có hiệu quả đội ngũ giáo viên giỏi. Ưu tiên ngân sách cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo; đồng thời, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, dạy nghề và phát triển hệ thống giáo dục năng khiếu,

- Thực hiện giám sát xã hội, bảo đảm vai trò giám sát của cộng đồng, phát huy vai trò của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong việc giám sát chất lượng đào tạo nhân lực. Phát triển mạnh hệ thống thông tin đại chúng, mở rộng cơ hội và tăng cường năng lực cho người dân tiếp cận thông tin, thụ hưởng các dịch vụ văn hóa, vui chơi giải trí, phát triển năng lực làm việc và khả năng sáng tạo của người lao động.

c) Hoàn thiện thể chế phát triển thị trường lao động hoạt động hiệu quả:

- Triển khai thực hiện các chính sách về tiền lương theo quy định; tăng cường cơ chế thỏa thuận về tiền lương; thực hiện trả lương đúng với giá trị sức lao động để tiền lương trở thành động lực thúc đẩy tăng năng suất lao động, động viên người lao động cống hiến và phát huy khả năng sáng tạo.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục nghề nghiệp và việc làm trên địa bàn tỉnh; đầu tư nâng cao năng lực, đổi mới nội dung công tác hướng nghiệp theo yêu cầu của thị trường lao động; tăng cường liên kết đào tạo, sử dụng lao động giữa cơ sở đào tạo nghề với các doanh nghiệp sử dụng lao động trong và ngoài tỉnh, định hướng nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên trong trường đại học, cao đẳng và dạy nghề.

- Củng cố, nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia hoạt động dịch vụ việc làm; nâng cao hiệu quả hoạt động sàn giao dịch, điểm giao dịch việc làm. Thường xuyên tổ chức các phiên giao dịch việc làm, kết nối hệ thống các sàn giao dịch, giới thiệu việc làm giữa các tỉnh và khu vực. Hoàn thiện hệ thống và tổ chức cung cấp thường xuyên thông tin thị trường lao động; hình thành cơ sở dữ liệu về thị trường lao động, làm cơ sở hoạch định chính sách việc làm và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu cung - cầu lao động, việc làm của tỉnh.

2.2. Đối với nguồn vật lực:

a) Đối với nguồn lực tài nguyên thiên nhiên:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân về bảo vệ tài nguyên nước, khoáng sản, đất đai và bảo vệ môi trường. Xử lý triệt để bất cập trong quản lý, sử dụng đất của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhất là tình trạng lấn chiếm, chuyển nhượng, chuyển mục đích, cho thuê, cho mượn,...trái pháp luật.

- Điều tra, khảo sát để có kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản phẩm phù hợp với lợi thế của địa phương và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nghiên cứu, xây dựng các tiêu chí, quy trình kỹ thuật để thực hiện các mô hình canh tác theo hướng thâm canh bền vững; sử dụng hợp lý phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm; bố trí lại các vùng sản xuất, nhất là đối với diện tích sử dụng nhà lưới, nhà kính nhằm khai thác và sử dụng tiết kiệm tài nguyên, giảm thiểu ảnh hưởng của sản xuất nông nghiệp đến môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục nâng cao tỷ lệ che phủ rừng và chất lượng rừng; ngăn chặn hiệu quả tình trạng cháy rừng và chặt phá rừng, tập trung bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng tự nhiên hiện có; tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác giao khoán quản lý bảo vệ rừng, nâng cao thu nhập và đời sống người làm lâm nghiệp; gắn phát triển rừng với nuôi trồng thủy sản và phát triển du lịch sinh thái.

- Điều tra, đánh giá đầy đủ tiềm năng, trữ lượng tài nguyên khoáng sản, nhất là tài nguyên đất, cát, đá,...để có kế hoạch khai thác hợp lý; đồng thời, tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm việc khai thác tài nguyên không phép, trái phép. Đẩy mạnh công tác thăm dò, đánh giá tiềm năng nước mặt và nước ngầm. Triển khai thực hiện các giải pháp lưu giữ và sử dụng tiết kiệm các nguồn nước. Ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm hành vi gây ô nhiễm nguồn nước.

- Nâng cao hiệu quả khai thác các tài nguyên khoáng sản gắn với chế biến

sâu; kết hợp hài hoà giữa khai thác, chế biến với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học. Không xem xét chủ trương đầu tư hoặc cấp quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án tiềm ẩn nguy cơ cao về môi trường, đặc biệt tại các khu vực tập trung dân cư, các lưu vực sông, khu vực nhạy cảm, vùng ưu tiên cần phải bảo vệ. Từng bước di dời các cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao vào các khu, cụm công nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 64-CTr/TU, ngày 11/10/2013 của Tỉnh uỷ về thực hiện Nghị quyết số 24/NQ-TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Tăng cường năng lực dự báo thiên tai, biến đổi khí hậu để chủ động phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại.

- Kết hợp hài hoà giữa bảo tồn, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên đa dạng sinh học; duy trì và phát triển các dịch vụ sinh thái, bảo vệ môi trường, bảo vệ và tôn tạo cảnh quan thiên nhiên; duy trì có tính ổn định của hệ thống khu rừng đặc dụng.

- Rà soát, lập quy hoạch các khu dân cư đô thị (hoặc nông thôn) để tổ chức đấu thầu dự án (hoặc đấu giá quyền sử dụng đất) theo quy định của pháp luật, đảm bảo ổn định nguồn thu ngân sách từ đất đai. Đẩy mạnh việc giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá.

b) Đối với nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội:

- Tiếp tục nghiên cứu cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh theo chỉ đạo của Trung ương và tình hình thực tế địa phương nhằm huy động đa dạng các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội; nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực từ các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài tham gia đầu tư các dự án theo hình thức đối tác công - tư để phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng công khai, minh bạch, bảo đảm hài hoà lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và xã hội.

- Thực hiện nghiêm Luật Đầu tư công và Luật Quy hoạch; tổ chức triển khai lập quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Ưu tiên cân đối nguồn lực để đầu tư các công trình có tính cấp bách, trọng điểm, các công trình kết cấu hạ tầng kết nối nhằm phát huy hiệu quả đầu tư, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội.

- Thường xuyên rà soát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, kiên quyết chấm dứt đầu tư đối với các dự án kém hiệu quả, tập trung đầu tư cho các công trình và dự án cấp bách khác. Nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư xây dựng; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

- Tăng cường phân cấp đầu tư, phân bổ nguồn vốn, phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao trách nhiệm và có chế tài xử lý nghiêm đối với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương; nhất là người đứng đầu trong việc quyết định đầu tư phát

triển kết cấu hạ tầng, bảo đảm quản lý thống nhất. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm bảo đảm việc sử dụng nguồn vốn đầu tư đúng mục đích, hiệu quả, xử lý nghiêm các vi phạm gây thất thoát, lãng phí.

2.3. Đối với nguồn tài lực:

a) Tổ chức thực hiện nghiêm Luật Ngân sách nhà nước, tăng cường kỷ luật tài chính, ngân sách nhà nước ở tất cả các cấp, các ngành. Phát triển, nuôi dưỡng nguồn thu ngân sách nhà nước, tăng cường giải pháp chống thất thu ngân sách, chuyển giá và đôn đốc thu hồi nợ đọng thuế. Thường xuyên rà soát, điều chỉnh kịp thời giá tính thuế tài nguyên, giá đất; thực hiện đầy đủ các chính sách về khai thác tài nguyên thiên nhiên, đất đai.

b) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 19/06/2018 của Chính phủ và Chương trình hành động số 62-Ctr/TU ngày 23/5/2018 của Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị. Từng bước cơ cấu chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư, giảm tỷ trọng chi thường xuyên ưu tiên nguồn lực để thực hiện các chương trình, dự án quan trọng của tỉnh. Tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn, khắc phục triệt để tình trạng bố trí chi đầu tư phát triển vượt cân đối ngân sách nhà nước, bố trí vốn dàn trải, kéo dài thời gian gây lãng phí, nợ đọng xây dựng cơ bản.

c) Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng, bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội và điều chỉnh tiền lương. Tăng cường giám sát chặt chẽ các khoản chi từ ngân sách nhà nước, bảo đảm đúng dự toán được duyệt, triệt để tiết kiệm, chống lãng phí; kiểm soát chặt chẽ việc chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước. Chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách nhà nước khi thật sự cần thiết và bảo đảm cân đối được nguồn. Tiếp tục nghiên cứu đổi mới cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập gắn với lộ trình tính giá dịch vụ công; thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính và giao tài sản cho các đơn vị sự nghiệp công lập quản lý theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

d) Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng; triển khai thực hiện các giải pháp mở rộng tín dụng có hiệu quả, phù hợp với mục tiêu tăng trưởng tín dụng; ưu tiên nguồn vốn cho vay đối với lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực đột phá, các dự án phát triển kinh tế trọng điểm của tỉnh. Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp thiết thực, hiệu quả để huy động các nguồn lực tài chính khác cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thực hiện có hiệu quả chủ trương cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu; nâng cao năng lực tài chính, chất lượng tín dụng và năng lực quản trị, điều hành của tổ chức tín dụng; tăng cường công tác thanh tra, giám sát, nhằm phòng ngừa, phát hiện, cảnh báo kịp thời các nguy cơ rủi ro; phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, đảm bảo hoạt động ngân hàng trên địa bàn tỉnh an toàn, hiệu quả.

e) Thực hiện nghiêm Luật quản lý, sử dụng tài sản công; hoàn thành công tác sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước theo đúng quy định. Thực hiện

thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp không thuộc ngành nghề nhà nước cần nắm giữ cổ phần chi phối theo lộ trình và quy định của pháp luật. Thực hiện giao vốn và nghiên cứu đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp thuộc tỉnh phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương; tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; thực hiện cơ chế đặt hàng đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị, các cơ quan, đơn vị tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị và Kế hoạch này đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân; xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện; định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng kế hoạch cụ thể hóa thực hiện Kế hoạch này, xác định lộ trình và phân công nhiệm vụ cho từng sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hàng năm; tiếp tục nghiên cứu các vấn đề thực tiễn phát sinh để kịp thời kiến nghị Trung ương sửa đổi, bổ sung các chủ trương, chính sách phù hợp.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh chú trọng, thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị và Kế hoạch này trên các phương tiện thông tin đại chúng để cán bộ, đảng viên, các doanh nghiệp, nhân dân hiểu và thực hiện.

4. Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy, các Ban Đảng Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ tổng hợp báo cáo, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết thực hiện theo quy định. 2m

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Văn phòng Trung ương,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh,
- Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Các Ban Đảng của Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các Đảng, Đoàn, Ban cán sự Đảng,
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể,
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh,
- Các huyện, thành ủy, Đảng ủy trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, KT₁.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Nguyễn Xuân Tiến